

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/DS-PT

Ngày: 29/6/2021

V/v Tranh chấp chia tài sản
chung; Chia thừa kế tài sản
theo di chúc; Đòi tiền tính công
sức trong vụ án thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hàng Lâm Viên**

Các Thẩm phán: Ông **Lâm Bách**

Bà Phạm Thị Anh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Mai Như Trang – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

Ông Nguyễn Hồng Hiến - Kiểm sát viên;

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa phúc thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2021/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung; Chia thừa kế tài sản theo di chúc; Đòi tiền tính công sức trong vụ án thừa kế*”;

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 28/2020/DS-ST ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2021/QĐ-PT ngày 21/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1932 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: Thôn T1, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1961 (*vắng mặt khi tuyên án*);

Địa chỉ: Đường L, khu phố 10, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

+ Ông Nguyễn Công T1, sinh năm 1954 (*có mặt*);

Địa chỉ: Thôn T1, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. *Bị đơn*: Bà Ngô Thị Kim L, sinh năm 1978 (*có mặt*);;

Địa chỉ: Thôn T1, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Cháu Lương T2, sinh năm 2005 (*vắng mặt*);

3.2. Cháu Lương Lâm N, sinh năm 2003 (*có mặt*);

Cùng địa chỉ: Thôn T1, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện hợp pháp của cháu T2, cháu N: Bà Ngô Thị Kim L, sinh năm 1978 – mẹ ruột của cháu T2, cháu N (*có mặt*);

Địa chỉ: Thôn T1, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4. *Người kháng cáo*: Bà Ngô Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Công T1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và chồng là ông Lương Ngọc C (đã chết) quá trình sinh sống tạo lập được một căn nhà cấp 4 trên diện tích đất 600m² ở thôn T1, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số vào sổ 09527 QSDĐ ngày 06/3/2000.

Ngày 15/12/2010 bà T và ông C cùng lập di chúc chung để lại toàn bộ tài sản trên cho cháu nội là cháu Lương Lâm N, sinh ngày 28/11/2003 và cháu Lương T2, sinh ngày 19/7/2005.

Ngày 22/01/2014, ông C và bà T hủy bỏ di chúc lập ngày 15/12/2010.

Ngày 23/01/2014, bà T và ông C có lập di chúc chung để lại toàn bộ tài sản trên cho một mình cháu Lương T2, sinh ngày 19/7/2005.

Ngày 24/3/2014, ông Lương Ngọc C chết. Ngày 01/3/2017, bà T lập di chúc, phân tài sản ông C chồng bà T để lại cho cháu T2 theo ý nguyện của ông C. Riêng phần tài sản của bà T bà di chúc để lại cho cháu Lương Thị Ngọc P. Ngày 29/10/2018, cháu P chết nên bà T xin hủy phần di sản của bà cho cháu P

được hưởng để bà T hưởng tuổi già $\frac{1}{2}$ tài sản chung của bà với ông C vì bà không có ai chăm sóc. Tuy nhiên, con dâu bà T là bà Ngô Thị Kim L giữ toàn bộ giấy tờ không cho bà T lập di chúc nên nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản của bà trong khối tài sản chung của bà và ông C. Bà có nguyện vọng xin nhận phần diện tích đất và tài sản trên đất ở phía sau. Còn phần tài sản của ông C, bà vẫn giữ nguyên cho cháu Lương T2 theo ý chí trong di chúc khi còn sống ông C đã lập.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – bà Ngô Thị Kim L và người đại diện theo ủy quyền của bà L – ông Hứa Thanh K trình bày:

Bà Ngô Thị Kim L và ông Lương Trọng T (con ruột của bà T – ông C) là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và có 02 con chung là Lương Lâm N, sinh ngày 28/11/2003 và Lương T2, sinh ngày 19/7/2005. Năm 2009, anh Tường chết, các con hiện vẫn đang chung sống với chị.

Ngày 15/12/2010, bà T và ông C lập di chúc cho toàn bộ tài sản là nhà đất tại thôn T1, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (cũng là nơi chị và các con đang sinh sống) cho hai người con của chị L là Nhi và Toàn. Ngày 22/01/2014, bà T và ông C hủy di chúc lập ngày 15/12/2010 và ngày 23/01/2014 lập di chúc cho toàn bộ tài sản cho cháu Lương T2. Ngày 24/3/2014, ông C chết, đến ngày 01/3/2017 bà T lập di chúc để lại phần tài sản của bà cho cháu Lương Thị Ngọc P. Việc lập di chúc này chị L không biết.

Tháng 10/2016, bà T bị tai biến. Ngày 01/12/2016, bà T có làm giấy cam kết với nội dung nếu thay đổi và lấy lại phần tài sản của bà không cho cháu T2 nữa mà làm di chúc cho người khác thì người đó phải nuôi dưỡng bà đến hết phần đời còn lại và phải có trách nhiệm trả lại cho chị L 300.000.000 đồng chi phí chị L đã chăm sóc vợ chồng bà từ năm 2009 đến năm 2017 để chị L có tiền nuôi con. Giấy cam kết có xác nhận của Ban quản lý thôn T. Hơn nữa, bên bị đơn còn yêu cầu phía nguyên đơn cung cấp giấy tờ y khoa chứng minh việc bà T còn minh mẫn tại thời điểm lập di chúc ngày 01/3/2017.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia $\frac{1}{2}$ tài sản của bà trong khối tài sản chung của bà và ông C thì chị L không đồng ý. Chị đề nghị Tòa án xem xét, công nhận và giữ nguyên di chúc lập ngày 23/01/2014 mà ông C và bà T đã lập hoặc phải trả cho chị số tiền 300.000.000 đồng theo như thỏa thuận trong Giấy cam kết mà bà T đã lập ngày 01/12/2016.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – cháu Lương T2 trình bày:

Cháu T2 có nghe ông bà nội lập di chúc cho toàn bộ tài sản cho anh và cháu Lương Lâm N nhưng sau đó lại cho một mình anh. Hiện cháu T2, cháu N và bà L đang sống tại căn nhà trên. Mọi vấn đề liên quan đến tài sản, anh giao cho mẹ là bà L toàn quyền thay mặt anh quyết định, khi nào đủ 18 tuổi anh sẽ thực hiện quyền của mình. Cháu T2 không có ý kiến gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2020/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận quyết định:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 157, 165, 228, khoản 1, khoản 5 Điều 147 và 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 633, 664 của Bộ luật Dân sự năm 2000;

Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 70, 71 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009.

Căn cứ Điều 12, Điều 14, khoản 1 Điều 25, khoản 2, khoản 5 Điều 26 và khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu phân chia tài sản chung.

2. Giao bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý, sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất số 24, tờ bản đồ số 60, có diện tích $369,25m^2$, có tứ cận Đông giáp đường bê tông liên thôn; Tây giáp thửa số 25; Nam giáp đất cháu Lương T2 (nhận thừa kế theo di chúc của ông Lương Ngọc C); Bắc giáp thửa số 20, tọa lạc: thôn T1, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Buộc bà T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Ngô Thị Kim L số tiền 42.714.000 đồng chi phí bà L xây tường rào trên phần diện tích đất bà T được giao quản lý, sử dụng.

3. Tạm giao bà Ngô Thị Kim L quản lý sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa số 24, tờ bản đồ số 60, có diện tích $369,25m^2$ và toàn bộ tài sản trên đất có tứ cận: Đông giáp đường

bê tông liên thôn; Tây giáp thửa đất số 25; Nam giáp đường đất; Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị T, tọa lạc: thôn T1, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi bà L có nghĩa vụ giao lại cho cháu T2 quản lý, sử dụng số tài sản trên.

Sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, các đương sự tự liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng hiện trạng sử dụng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/12/2020, bị đơn bà Ngô Thị Kim L kháng cáo bản án số 28/2020/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa.

- Các đương sự thỏa thuận bà T được nhận phần đất 280,3m²; Cháu T2 được nhận phần đất 458,2m², phần tài sản là nhà trên phần đất cháu T2 được nhận cũng như phần sửa chữa nhà thuộc quyền sở hữu của bà L nên đề nghị Tòa án công nhận. Bà L rút yêu cầu phản tố đối với số tiền 300.000.000đ nên đề nghị Tòa án hủy, đình chỉ xét xử phần đương sự đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn Ngô Thị Kim L hủy ủy quyền đối với ông Hứa Thanh K tại phiên tòa phúc thẩm, ông K đồng ý. Bà Ngô Thị Kim L rút yêu cầu phản tố đối với số tiền 300.000.000đ và rút kháng cáo đối với phần này được sự đồng ý của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Bản án sơ thẩm buộc bà L nộp tạm ứng án phí nhưng không đưa quan hệ pháp luật này vào giải quyết; phần nhận định của bản án có lập luận không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà L nhưng trong phần quyết định của bản án lại không tuyên án đối với yêu cầu phản tố này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[1.2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thỏa thuận được với nhau về quan hệ chia tài sản chung và chia thừa kế theo di chúc.

[2] Các đương sự thỏa thuận

[2.1] Bà Nguyễn Thị T được chia tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 280,3m², vị trí đất, cự ly các cạnh và mốc giới được xác định bởi các điểm 1, 2, 3, 7 theo trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận lập ngày 09/6/2021, đo đạc, chỉnh lý và trích lục thửa đất số 24, tờ bản đồ địa chính số 60, xã Q, huyện N. Bà Nguyễn Thị T được sở hữu phần tường xây bằng taplo cao 2,1m; dài 13.07m; diện tích 27,09m² từ điểm số 2 đến điểm số 3. Bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả giá trị diện tích tường xây cho bà Ngô Thị Kim L là 6.762.940đ (cách tính: 13.07m x 2,1m x 352.000đ/m² x 70%). Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ tạo lối đi trên phần đất được chia (phần đất bà T được chia tiếp giáp đường bê tông ở hướng đông). Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ tháo dỡ phần mái che tạm bằng tôn cũ, trụ gỗ từ điểm số 3 đến điểm số 7.

[2.2] Cháu Lương T2 được chia thừa kế theo di chúc là quyền sử dụng đất diện tích 458,2m², vị trí đất, cự ly các cạnh và mốc giới được xác định bởi các điểm 3, 4, 5, 6, 7 theo trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận lập ngày 09/6/2021, đo đạc, chỉnh lý và trích lục thửa đất số 24, tờ bản đồ địa chính số 60, xã Q, huyện N. Phần tường rào và cổng nhà trên các điểm 3, 4, 5, 6, 7 thuộc quyền sở hữu của bà Ngô Thị Kim L. Trên phần đất cháu Lương T2 được quyền sử dụng có 02 nhà ở cấp 4A và 01 nhà ở cấp 4C thuộc quyền sở hữu của cháu Lương T2. Tạm giao cho bà Ngô Thị Kim L quản lý phần diện tích đất của cháu Lương T2 cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Phần sửa chữa, cải tạo các căn nhà nêu trên nếu bà Ngô Thị Kim L có tranh chấp sẽ khởi kiện cháu Lương T2 bằng vụ án khác.

[2.3] Trên phần đất bà T được nhận cũng như phần đất cháu T2 được chia có một phần diện tích chuồng nuôi heo đã hết giá trị sử dụng, các đương sự không tranh chấp nên các đương sự tự tháo dỡ đối với phần diện tích chuồng heo trên phần diện tích đất được phân chia quyền sử dụng theo bản án.

[3] Chi phí thẩm định, định giá; án phí

[3.1] Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Ngô Thị Kim L chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá là không chính xác. Trong vụ án này, bà T cũng như cháu T2 phải chịu chi phí tương ứng với phần tài sản được chia. Do đó, mỗi người phải chịu 2.701.000đ. Bà T đã nộp tạm ứng nên phần bà T được trừ vào tiền tạm

ứng; Cháu T2 phải trả cho bà T 2.701.000đ. Chi phí thẩm định tại giai đoạn phúc thẩm là 4.190.000đ do bà T nộp tạm ứng nên bà T, cháu T2 mỗi người phải chịu 2.095.000đ (do bà T nhất trí chia đôi số tiền). Cháu T2 phải hoàn lại cho bà T 2.095.000đ.

[3.2] Bà T là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm. Cháu T2 là trẻ em nên được miễn án phí sơ thẩm. Bà L không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên, Căn cứ Điều 308 khoản 2, 3; Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 157 khoản 2, Điều 165 khoản 2, Điều 147, 148, Điều 299 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; Điều 1 Luật Trẻ em năm 2016;

- Điều 213 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 663, 664, Điều 667 khoản 2 điểm a của Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Kim L. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về chia tài sản chung; Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Ngô Thị Kim L đối với yêu cầu chia tài sản thừa kế theo di chúc.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm về việc phân chia tài sản chung và phân chia thừa kế theo di chúc đối với thửa đất số 01 và thửa đất số 02 tờ bản đồ Đ 11-T.Phong theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy số 09527 QSDĐ/QĐ số 61/QĐ/2-2000 ngày 06/3/2000, do UBND huyện N cấp cho hộ ông Lương Ngọc C, như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị T được chia tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 280,3m². Vị trí đất, cự ly các cạnh và mốc giới được xác định bởi các điểm 1, 2, 3, 7 theo trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận lập ngày 09/6/2021, đo đạc, chỉnh lý và trích lục thửa đất số 24, tờ bản đồ địa chính số 60, xã Q, huyện N. Bà Nguyễn Thị T được sở hữu phần tường xây bằng

taplo cao 2,1m; dài 13.07m; diện tích 27,09m² từ điểm số 2 đến điểm số 3. Bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả giá trị diện tích tường xây cho bà Ngô Thị Kim L là 6.762.940đ (cách tính: 13.07m x 2,1m x 352.000đ/m² x 70%). Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ tạo lối đi trên phần đất được chia (phần đất bà T được chia tiếp giáp đường bê tông ở hướng đông). Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ tháo dỡ phần mái che tạm bằng tôn cũ, trụ gỗ từ điểm số 3 đến điểm số 7. Bà Ngô Thị Kim L, cháu Lương Lâm N, cháu Lương T2 là những người đang chiếm hữu, sử dụng đất nên phải có nghĩa vụ giao trả cho bà Nguyễn Thị T diện tích đất 280,3m² mà bà T được chia tài sản chung.

2.2. Cháu Lương T2 được chia thừa kế theo di chúc là quyền sử dụng đất diện tích 458,2m². Vị trí đất, cự ly các cạnh và mốc giới được xác định bởi các điểm 3, 4, 5, 6, 7 theo trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận lập ngày 09/6/2021, đo đạc, chỉnh lý và trích lục thửa đất số 24, tờ bản đồ địa chính số 60, xã Q, huyện N. Phần tường rào và cổng nhà trên các điểm 3, 4, 5, 6, 7 thuộc quyền sở hữu của bà Ngô Thị Kim L. Trên phần đất cháu Lương T2 được quyền sử dụng có 02 nhà ở cấp 4A và 01 nhà ở cấp 4C thuộc quyền sở hữu của cháu Lương T2. Tạm giao cho bà Ngô Thị Kim L quản lý phần diện tích đất của cháu Lương T2 được chia cũng như 03 căn nhà trên đất cho đến khi cháu Lương T2 đủ 18 tuổi. Phần sửa chữa, cải tạo 03 căn nhà nêu trên nếu bà Ngô Thị Kim L có tranh chấp sẽ khởi kiện cháu Lương T2 bằng vụ án khác.

2.3. Trên phần diện tích đất bà T được chia tài sản chung cũng như phần đất cháu T2 được chia thừa kế theo pháp luật có một phần diện tích chuồng nuôi heo đã hết giá trị sử dụng, các đương sự không tranh chấp nên các đương sự tự tháo dỡ đối với phần diện tích chuồng heo trên phần diện tích đất được phân chia quyền sử dụng theo bản án này. Các đương sự được đăng ký quyền sử dụng đất theo bản án này.

3. Chấp nhận bà Ngô Thị Kim L rút yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo đối với số tiền tính công sức trong vụ án là 300.000.000đ. Hủy, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố bà L đã rút. Bà Ngô Thị Kim L được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút.

4. Nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định, định giá

4.1. Bà Nguyễn Thị T phải chịu 4.796.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng do người đại diện theo ủy quyền của bà T nộp. Bà T đã nộp đủ tiền.

4.2. Cháu Lương T2 phải chịu 4.796.000đ và phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho bà Nguyễn Thị T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Nghĩa vụ chịu án phí.

5.1. Án phí sơ thẩm.

- Miễn án phí sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T.
- Miễn án phí sơ thẩm cho cháu Lương T2.

- Bà Ngô Thị Kim L không phải chịu án phí được hoàn trả 7.500.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019906 ngày 25/10/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N.

5.2. Án phí phúc thẩm: Bà Ngô Thị Kim L không phải chịu án phí phúc thẩm được hoàn trả 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024071 ngày 08/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/6/2021)/.

Nơi nhận:

- TAND huyện N;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hàng Lâm Viên